TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HC-ST
Ngày 05/7/2021
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và thuế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Bảy
Bà Đỗ Thị Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 98/2020/TLST-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và thuế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/ QĐXXST-HC ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trương Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Xuân Th - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Đường Đ, thành phố H, tỉnh Q. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T; địa chỉ: Đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh N - Phó chủ tịch UBND thành phố T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Ông Trương Công Th - Phó Giám đốc Ban quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố T. Có mặt;

+ Ông Đinh Hữu Tr - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Quang C - Phó chủ tịch UBND xã P, thành phố T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chi cục Thuế Khu vực N; địa chỉ: Đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Phúc T - Chi cục Phó Chi cục Thuế Khu vực N. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị Ngọc Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Đinh Thái V, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện bà Trương Thị H tại phiên tòa:

Hộ bà Trương Thị H thuộc diện bị ảnh hưởng của dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, việc thu hồi đất ở và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà H được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T thực hiện từ năm 2015 - 2016. Thực hiện chủ trương của UBND thành phố T, hộ bà H đã thực hiện bàn giao mặt bằng để triển khai dự án theo quy định. Tại thời điểm năm 2016, UBND thành phố T đã thống nhất chủ trương bán cho hộ bà H 01 lô đất (lô phụ) theo giá nhà nước không thông qua đấu giá và phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Hộ bà H đã nhiều lần khiếu nại đến UBND thành phố T để bàn giao đất và cho hộ bà H nộp tiền sử dụng đất theo quy định nhưng đến cuối năm 2018 UBND thành phố T mới có thông báo bố trí đất ở cho hộ bà H theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 (*gọi tắt là Thông báo số 732*) với đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2.

Không đồng ý với Thông báo số 732 của UBND thành phố T với đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2 nên hộ bà H nhiều lần làm đơn khiếu nại, kiến nghị xem xét lại giá đất bố trí cho hộ bà H theo đơn giá đất năm 2016. Đến tháng 4 năm 2019, hộ bà H nhận được Công văn số 566/UBNDVP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T với nội dung việc tính đơn giá đất theo Thông báo số 732/TB-UBND là đúng quy định pháp luật, tại thời điểm năm 2016 hạ tầng khu đất chưa hoàn chỉnh nên chưa có giá đất và đến tháng 4 năm 2018 mới có giá đất nên UBND thành phố T mới thực hiện được. Vì vậy, hộ bà H đã thống nhất mua 01 lô đất theo thông báo nêu trên của UBND thành phố T và đã nộp đủ 100% số tiền sử dụng đất phải nộp theo Thông báo số 732 với đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2 (nộp đủ vào tháng 6 năm 2019) với điều kiện không tính tiền chậm nộp thuế.

Sau đó, hộ bà H nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Trung tâm Hành chính công thành phố T đã buộc hộ bà H phải làm thủ tục nộp số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 732 với đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2. Do đó, hộ bà H đã làm đơn khiếu nại, kiến nghị và nhận được trả lời đơn của UBND thành phố T tại Công văn số 408/UBND-VP ngày

18/3/2020, hướng dẫn hộ bà H liên hệ đến Trung tâm Hành chính công thành phố T để được hướng dẫn lập thủ tục giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo đúng quy định pháp luật. Khi hộ bà H đã liên hệ với Trung tâm Hành chính công thành phố T để được cấp GCNQSDĐ theo quy định và đến ngày 09/7/2020, hộ bà H nhận được Thông báo về việc chậm nộp tiền thuế số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 có nội dung hộ bà H phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế là 47.129.120 đồng.

Nhận thấy, việc chậm thông báo bố trí đất ở cho hộ bà H như đã nêu trên là do lỗi của các cơ quan có thẩm quyền của UBND thành phố T, không phải do người dân nên việc tính tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất như đã nêu trên là chưa phù hợp, ảnh hưởng lớn đến đời sống của hộ bà H. Đồng thời, ngay sau khi hộ bà H nhận được các thông báo bố trí đất ở có đơn giá là 6.200.000 đồng/m^2, thì hộ bà H đã làm đơn khiếu nại, kiến nghị UBND thành phố T xem xét đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế. Như vậy là vụ việc đang có sự kiện pháp lý cần được xem xét giải quyết nên không tính thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo thông báo để tính tiền phạt chậm nộp đối với hộ bà H.

Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết: Hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T về việc bố trí đất ở đối với hộ bà Trương Thị H để thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T đối với phần đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2; hủy Công văn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, xã T; hủy Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời kiến nghị của công dân; hủy Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N về tiền chậm nộp tiền thuế và buộc UBND thành phố T ban hành lại giá đất đối với Lô số 13 khu O1 thuộc dự án Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Công văn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, xã T; hủy Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời kiến nghị của công dân.

Theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố T tại phiên toà:

Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh triển khai năm 2014 nhưng đến năm 2016 mới tiến hành thu hồi đất của hộ bà Trương Thị H, diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà H là 174m^2, hiện trạng sử dụng đất thực tế của hộ bà H là 204m^2. Trong đó, diện tích đất thu hồi lần 01 là 26,7m^2, thu hồi lần 02 là 35,5m^2, tổng cộng là 62,2m^2 đất. Theo quy

định của pháp luật thì hộ bà H không bị thu hồi hết diện tích đất ở, không phải di chuyển chỗ ở nên không được bố trí tái định cư, Ủy ban nhân dân thành phố T đã vận dụng các quy định pháp luật tạo điều kiện cho hộ bà H mua 01 lô đất theo giá sàn, không qua đấu giá, về giá đất thì hộ bà H đã có đơn thống nhất giá đất năm 2018 là 6.200.000 đồng. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 1412/CCTKV-TTTBTK ngày 18/12/2020 của Chi cục Thuế khu vực N về việc nêu ý kiến và cung cấp tài liệu, hồ sơ thể hiện:

Ngày 29/6/2020, Chi cục Thuế khu vực N nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính số 1856/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T kèm theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đối với bà Trương Thị H. Căn cứ Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T bố trí đất ở cho hộ bà Trương Thị H tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, diện tích lô đất 132m^2, đơn giá 6.200.000 đồng/m^2, số tiền sử dụng đất phải nộp là 855.600.000 đồng. Thời gian nộp tiền theo quy định tại điểm 4 Thông báo số 732/TB-UBND, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bà Trương Thị H nhận được Thông báo phải nộp đủ tiền sử dụng đất, nếu nộp chậm sẽ bị tính tiền chậm nộp theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, về tính tiền chậm nộp; căn cứ Công văn số 686/UBND-VP ngày 24/4/2020 của UBND thành phố T hướng dẫn về thời gian để tính tiền chậm nộp tiền sử dụng đất khi được thành phố bố trí đất ở; căn cứ chứng từ nộp tiền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước ngày 27/6/2019 của bà Trương Thị H. Chi cục Thuế khu vực N xác định bà Trương Thị H chậm nộp số tiền sử dụng đất theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố 50% đầu là 214 ngày và 50% còn lại là 154 ngày, nên tính ra số tiền chậm nộp là 47.229.120 đồng theo Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Công văn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, xã T; hủy Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời kiến nghị của công dân. Căn cứ Điều 165 và Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Côngvăn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 và Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần khởi kiện của bà H, hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T liên

quan đến Mục (4) về phần áp dụng phạt tiền do chậm nộp tiền sử dụng đất; hủy Thông báo số 156/TB-CCT thông báo về tiền chậm nộp thuế đối với hộ bà Trương Thị H do chậm nộp tiền thuế ngày 01/7/2020 của Chi cục Thế khu vực N; bác yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T liên quan đến mục (1) về giá đất và buộc UBND thành phố T phải ban hành lại giá đất đối với lô 13 khu O1 thuộc dự án khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tại phiên tòa, người khởi kiện bà Trương Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Công văn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, xã T; hủy Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời kiến nghị của công dân. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là tự nguyện; căn cứ Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của người khởi kiện. Bà H có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật đối với các yêu cầu này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T về việc bố trí đất ở đối với hộ bà Trương Thị H để thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T đối với phần đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2; hủy Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N về tiền chậm nộp thuế; buộc UBND thành phố T ban hành lại giá đất đối với Lô số 13 khu O1 thuộc dự án Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 22 Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì các quyết định hành chính, hành vi hành chính theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/10/2018, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 732/TB-UBND về việc bố trí đất ở đối với hộ bà Trương Thị H để thực hiện GPMB xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T. Ngày 01/7/2020, Chi cục Thuế khu vực N ban

hành Thông báo số 156/TB-CCT về tiền chậm nộp tiền thuế. Đến ngày 22/7/2020, bà Trương Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; căn cứ khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì bà H có quyền khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Hộ bà Trương Thị H được UBND thành phố T thu hồi tổng diện tích đất 62,2 m^2 (61,2 m^2 đất ở +1 m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 512, Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ trích lục số 17 - 2015, diện tích 204m^2 (203m^2 đất ở và 01m^2 đất cây lâu năm) tại xã T, thành phố T, cụ thể: Diện tích 35,5 m^2 đất bị thu hồi đất theo Quyết định số 5428/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND thành phố T và 26,7 m^2 đất ở bị thu hồi theo Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND thành phố T.

Về bố trí tái định cư: Hộ bà H thuộc trường hợp thu hồi đất không phải di chuyển chỗ ở nên không thuộc trường hợp bố trí tái định cư do di chuyển chỗ ở theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai; Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, bà H có làm đơn kiến nghị đến UBND thành phố T xin được mua 01 lô đất tái định cư không qua hình thức đấu giá và được UBND thành phố T chấp thuận tại Công văn số 907/UBND-VP ngày 06/6/2016 thống nhất chủ trương giao cho bà H 01 lô đất theo giá sàn không qua đấu giá, bà H phải nộp 100% tiền sử dụng đất và không được nợ tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, do dự án chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đến 2018 khi cơ sở hạ tầng đã hoàn thiện thì ngày 03/4/2018 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2109/QĐ-UBND phê duyệt giá đất ở để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Khu dân cư - Tái định cư phục vụ mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T với đơn giá 6.200.000 đồng/m^2. Ngày 17/10/2018, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 732/TB-UBND bố trí đất ở cho bà Trương Thị H, thường trú tại thôn P, xã T để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, bố trí lô đất số 13 khu O1 thuộc dự án Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở mộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, tại xã T; hộ bà H phải nộp đủ 100% tiền sử dụng đất trước khi lập thủ tục giao đất và cấp GCNQSDĐ và đề nghị bà H liên hệ trực tiếp tại Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T để được hướng dẫn lập thủ tục nộp tiền sử dụng đất, giao nhận đất ngoài thực địa và cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật là đảm bảo quyền lợi cho hộ bà H. Mặt khác, ngày 10/4/2019 bà Trương Thị H có đơn xin thống nhất mua đất lô phụ theo giá 6.200.000 đồng/m^2.

Việc bà H cho rằng việc chậm thông báo bố trí đất ở cho hộ bà là do lỗi của các cơ quan có thẩm quyền của UBND thành phố T, ngay khi nhận được thông báo bố trí đất ở với giá 6.200.000 đồng/m^2 thì bà đã làm đơn khiếu nại và kiến nghị UBND thành phố T xem xét đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế và sự việc đang có sự kiện pháp lý cần xem xét giải quyết nên không tính thời

hạn nộp tiền sử dụng đất theo thông báo để tính tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất vì ngay sau khi sự kiện pháp lý cần được xem xét kết thúc thì hộ gia đình bà đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính là không đúng quy định tại Điều 19 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất*: "Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời gian chờ giải quyết, người khiếu nại phải nộp đúng thời hạn và nộp đủ số tiền sử dụng đất đã thông báo".* Đến ngày 27/6/2019, bà Trương Thị H cũng tự nộp số tiền sử dụng đất lô số 13 khu O1 Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh với số tiền là 855.600.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

Do vậy, không có căn cứ để hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T về việc bố trí đất ở đối với hộ bà Trương Thị H, thường trú tại thôn P, xã T để thực hiện GPMB xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T đối với phần đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2 và buộc UBND thành phố T ban hành lại giá đất đối với Lô số 13 khu O1 thuộc dự án Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T theo đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Tuy nhiên tại Mục 4 của Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T nêu: *"trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành thông báo, yêu cầu Ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T phải giao thông báo này cho bà Trương Thị H và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hộ bà H nhận được thông báo này mà không liên hệ nộp đủ số tiền sử dụng đất, lập các thủ tục có liên quan đến việc giao nhận đất thì hộ bà H phải nộp phạt bằng tiền do chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật"* là không đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất. Chi cục Thuế khu vực N đã căn cứ vào Thông báo này để tính tiền chậm nộp tiền thuế, xác định bà Trương Thị H chậm nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T 50% đầu là 214 ngày và 50% còn lại là 154 ngày nên tính ra số tiền chậm nộp là 47.229.120 đồng theo Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Tại phiên tòa, đại diện Chi cục Thuế khu vực N cũng thừa nhận Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N là thực hiện không đúng quy trình. Thực tế, Cơ quan thuế cũng chưa có Thông báo nào yêu cầu hộ bà H nộp tiền sử dụng đất; UBND thành phố T ban hành Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 và Chi cục Thuế khu vực N ban hành Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 không căn cứ vào Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ về trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất đối với hộ bà H là ảnh hưởng đến quyền lợi người dân.

Mặc dù hộ bà H không khởi kiện yêu cầu hủy Mục 4 của Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T nhưng là nội dung liên quan trực tiếp đến Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N nên cần hủy nội dung Mục 4 của Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T về phần áp dụng phạt tiền do chậm nộp tiền sử dụng đất và Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N về tiền chậm nộp tiền thuế để đảm bảo quyền lợi cho hộ bà H và đúng quy định pháp luật.

[3.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên người bị kiện UBND thành phố T và Chi cục Thuế khu vực N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H về yêu cầu hủy Công văn số 566/UBND-VP ngày 01/4/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh, xã T; hủy Công văn số 1233/UBND-BQL ngày 18/6/2019 của UBND thành phố T về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân. Bà H có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật đối với các yêu cầu này.

[2] Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116 và khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 108 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H;

- Hủy Thông báo số 156/TB-CCT ngày 01/7/2020 của Chi cục Thuế khu vực N về tiền chậm nộp tiền thuế.

- Hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T đối với Mục 4 về phần áp dụng phạt tiền do chậm nộp tiền sử dụng đất.

[2.2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H về yêu cầu:

- Hủy một phần Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T về việc bố trí đất ở đối với hộ bà Trương Thị H, thường trú tại thôn P, xã T để thực hiện GPMB xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T đối với phần đơn giá đất là 6.200.000 đồng/m^2.

- Buộc UBND thành phố T ban hành lại giá đất đối với Lô số 13 khu O1 thuộc dự án Khu dân cư, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường

Tam Kỳ - Tam Thanh tại xã T, thành phố T theo Thông báo số 732/TB-UBND ngày 17/10/2018 của UBND thành phố T theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T và Chi cục Thuế khu vực N mỗi bên phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002545 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- - VKSND tỉnh Quảng Nam;
- - Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- - Lưu.

Lê Thị Anh Đào